

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27-4-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Dương Quý Sáng và ông Trần Duy Hưng

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Dân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Ngày 27/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2023/TLST-HNGĐ ngày 08/02/2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/3/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 19/2023/QDDST-HNGĐ ngày 12/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn D, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn 4 N, xã K, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Có mặt.

Bị đơn: Chị Đặng Thị H, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 1 N, xã K, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 02/02/2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Văn D trình bày:

Anh và chị Đặng Thị H tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 18/8/2014 tại UBND K, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2019 thì có mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân là do chị H có quan hệ bất chính với người khác bị anh bắt được, từ đó vợ chồng xảy ra cãi vã nhau và từ năm 2020 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh chị sống ly thân không ai quan tâm tới nhau. Nay anh không còn tình cảm với chị H, anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh ly hôn với chị H. Trong thời gian chung sống anh và chị H có hai con chung là cháu Phạm Kiều N sinh ngày 21/3/2011 và cháu Phạm Anh K sinh ngày 15/8/2015 hiện đang ở cùng anh. Anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Ngoài ra anh không đề nghị Toà án giải quyết về tài sản chung, không có công nợ chung.

Đối với bị đơn chị Đặng Thị H, tại văn bản trình bày ý kiến ngày 23/02/2023 chị H thừa nhận sau khi kết hôn với anh D một thời gian thì anh D cờ bạc, nghiện ngập đánh đập vợ con, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau. Hai bên gia đình đã can thiệp hoà giải nhiều lần nhưng không được. Đến năm 2020 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở và từ đó đến nay anh chị ly thân không ai quan tâm tới nhau. Nay anh D nộp đơn xin ly hôn thì chị cũng nhất trí ly hôn. Về con chung, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Phạm Kiều N và Phạm Anh K, không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tài sản và công nợ chị không đề nghị gì.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Toà án, bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Ngày 17/02/2023 Toà án đã hỏi ý kiến cháu Phạm Kiều N và Phạm Anh K, cả hai cháu có nguyện vọng ở với bố. Toà án đã thông báo hoà giải nhưng do bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được. Theo yêu cầu của chị H, ngày 07/4/2023 Toà án đã hỏi lại ý kiến của Phạm Kiều N và Phạm Anh K tại trường học, cả hai cháu thừa nhận có bị bố ngăn cản không cho gặp gỡ mẹ nhưng các cháu đều có nguyện vọng ở với bố. Ngày 25/4/2023 chị H có đơn đề nghị Toà án hỏi ý kiến của các cháu tại phiên toà vì chị cho rằng cả hai cháu đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ nhưng bị bố ngăn cản tác động nên không dám trình bày đúng nguyện vọng. Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn, bị đơn đều giữ nguyên ý kiến của mình. Hội đồng xét xử đã hỏi cháu Phạm Kiều N và cháu Phạm Anh K tại phiên toà, cháu N trình bày: cháu bị bố ngăn cản không cho gặp mẹ và có nguyện vọng muốn ở với mẹ, cháu K trình bày: Cháu muốn ở với mẹ vì ở với bố khổ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Anh Phạm Văn D có đơn yêu cầu giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với chị Đặng Thị H. Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì anh D và chị H có đăng ký kết hôn ngày 18/8/2014 tại UBND K, huyện B, tỉnh Lào Cai, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tại các lời khai thì anh D và chị H đều thừa nhận sau khi kết hôn anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Anh D đã cung cấp được chứng cứ chứng minh lời trình bày của mình là đúng sự thật. Xét thấy đời sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, anh chị đã không còn chung sống với nhau nhiều năm nay nên mục đích của hôn nhân không đạt được. Đến nay anh D và chị H đều nhất trí ly hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[3]. Về con chung: Anh D và chị H có hai con chung là cháu Phạm Kiều N sinh ngày 21/3/2011 và cháu Phạm Anh K sinh ngày 15/8/2015, hiện cả hai

cháu đang ở cùng anh D. Nay cả hai anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hai lần hỏi ý kiến của cháu N và cháu K nhưng các cháu đều có nguyện vọng muốn ở với bố, tại phiên tòa hôm nay các cháu thừa nhận bị bố ngăn cản không cho gặp gỡ mẹ và thay đổi nguyện vọng muốn ở với mẹ.

Xét thấy anh D và chị H đều cung cấp được chứng cứ về công việc và thu nhập của mình, anh chị đều là lao động tự do có thu nhập nên có điều kiện và khả năng nuôi dưỡng con chung như nhau. Chị H cho rằng anh D nghiện ma túy nhưng chị không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Anh D cho rằng trong thời gian ly thân chị H không có trách nhiệm với con nhưng các con của anh chị đều trình bày bị bố ngăn cản không cho gặp gỡ mẹ. Ngoài ra tại phiên tòa hôm nay các đương sự đều công nhận anh D đang chung sống cùng người phụ nữ khác và đang có con riêng 07 tháng tuổi. Việc anh D ngăn cản chị H thực hiện quyền làm mẹ là vi phạm pháp luật, anh D chưa ly hôn với chị H mà chung sống như vợ chồng với người khác cũng là vi phạm pháp luật.

Như vậy để đảm bảo cho cháu được chăm sóc tốt nhất và phát triển toàn diện cả về tâm sinh lý, thì cần giao cả hai cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cả hai cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị H không đề nghị gì nên anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: Anh chị không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn D và chị Đặng Thị H.

2/ Về con chung, xử giao cháu Phạm Kiều N sinh ngày 21/3/2011 và cháu Phạm Anh K sinh ngày 15/8/2015 cho chị Đặng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Anh Phạm Văn D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo

Yên, tỉnh Lào Cai theo biên lai số **0001575** ngày 08/02/2023. Anh đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện Bảo Yên (2);
- UBND xã K;
- Đường sự;
- Chi cục THADS Bảo Yên;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(đã kí)

Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Giang Thanh

